

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 346/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/12/2020

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1447/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 363/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 20/1C, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 5, phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: Số 20/1C, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 5, phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN; tạm trú: Tổ 22A, khu phố CH, phường HA, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nguyên đơn ông Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Ngọc T) và bà Lê Thị Hồng H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

(UBND) phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường HB cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36/HT-HB, quyền số 01/2002, ngày 03/6/2002.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy cãi vã, sống chung nhà nhưng tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, không còn sinh hoạt vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay. Hai bên có ngồi lại nói chuyện, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, tôi ở nhà cha ruột của tôi tại địa chỉ: Số 20/1C, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 5, phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN còn bà H bỏ nhà đi ra ngoài thuê nhà trọ ở tại địa chỉ: Tổ 22A, khu phố CH, phường HA, thành phố BH, tỉnh ĐN, nên vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và bà H không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H.

- Về con chung: Tôi (T) và bà H có 01 con chung tên Trần Trí T1, sinh ngày 01/12/2010, khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không yêu cầu bà H nuôi cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lê Thị Hồng H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.*

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Hồng H không thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc T về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Ngọc Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: Số 20/1C, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 5, phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN; tạm trú: Tổ 22A, khu phố CH, phường HA, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn ông T làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn bà Lê Thị Hồng H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Hồng H chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường HB cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36/HT-HB, quyển số 01/2002, ngày 03/6/2002. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông T và bà H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Trần Ngọc T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Theo Biên bản xác minh tại UBND phường HB ngày 22/9/2020 (Bút lục số 29) có ghi nhận nội dung: “ Ông T và bà H mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ do không nhận được đơn trình báo hay đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự. Vì vậy, không có thông tin cung cấp cho Tòa án”; tại Biên bản xác minh ngày 26/8/2020 tại Công an phường HA, thành phố BH (Bút lục số 24) có ghi nhận nội dung: “Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1982 có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 22A, khu phố CH, phường HA, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để bà H và ông Th đoàn tụ nhưng bà H đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Việc bà H không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật và sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc

nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho ông T được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H.

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Trần Trí T1, sinh ngày 01/12/2010, sau khi ly hôn ông T đề nghị Tòa án giao cháu T cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Trần Trí T1 hiện đang sống chung với ông Trần Ngọc T tại địa chỉ: Số 20/1C, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 5, phường HB, thành phố BH do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu T đang theo học Lớp 5/4, Trường Tiểu học Nguyễn Khắc Hiếu – phường HB, thành phố BH. Ông T hiện làm Công nhân Công ty Pouchen Việt Nam - phường HA, thành phố BH, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con. Còn bà H thì đang thuê trọ bên ngoài sống chung với các công nhân khác tại địa chỉ: Tổ 22A, khu phố CH, phường HA, thành phố BH, tỉnh ĐT. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của ông T, giao cháu T1 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Trí T1, sinh ngày 01/12/2010 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0009468 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Ngọc T và bị đơn bà Lê Thị Hồng H đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường HB;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuấn